ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI GIAN HỌC TẬP VÀ GIẢNG DẠY

SÁNG			CHIỀU			TỐI		
Tiết	**Thời gian học**	**Nghỉ**	**Tiết**	**Thời gian học**	**Nghỉ**	**Tiết**	**Thời gian học**	**Nghỉ**
1	**07h00' ÷ 07h50'**	**10'**	**7**	**13h00' ÷ 13h50'**	**10'**	**13**	**19h00' ÷ 19h50'**	**10'**
2	**08h00' ÷ 08h50'**	**10'**	**8**	**14h00' ÷ 14h50'**	**10'**	**14**	**20h00' ÷ 20h50'**	
3	**09h00' ÷ 09h50'**	**10'**	**9**	**15h00' ÷ 15h50'**	**10'**			
4	**10h00' ÷ 10h50'**	**10'**	**10**	**16h00' ÷ 16h50'**	**10'**			
5	**11h00' ÷ 11h50'**	**10'**	**11**	**17h00' ÷ 17h50'**	**10'**			
6	**12h00' ÷ 12h50'**	**10'**	**12**	**18h00' ÷ 18h50'**	**10'**			

Ghi chú: Áp dụng thống nhất đối với cả giờ học tại giảng đường, tại phòng máy tính, phòng thí nghiệm.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

THỜI KHOÁ BIỂU
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022-2023

STT	Mã học phần	Tên học phần	TC	Lớp khóa học	Giảng viên	Thứ	Tiết	Phòng
Học phần chung dành cho học viên								
1	PHI 5001	Triết học	3	Học phần chung dành cho học viên	TS. Nguyễn Thị Lan	7	2-5	3-G3
Học phần chung dành cho NCS								
2	EPN 8050	Đổi mới, sáng tạo và khởi nghiệp	2	Học phần chung dành cho NCS	PGS.TS. Hoàng Văn Xiêm TS. Phạm Châu Thùy	2	12-14	107-G2
I. Khoa Công nghệ thông tin								
Học phần dành cho học viên sau đại học								
3	INT 6123 INT 6022	Khai phá dữ liệu Phân tích và khai phá dữ liệu	3	K28 HTTT K28 ATTT K29 HTTT K29 ATTT	TS Trần Mai Vũ	6	12-14	301-GĐ2
4	INT 6133 INT 7032	Kho dữ liệu và tri thức kinh doanh	3	K28 HTTT K29 HTTT	PGS. TS. Đỗ Trung Tuấn	3	12-14	301-GĐ2
5	INT 6147	Trích rút thông tin	3	K28 HTTT	PGS. TS. Đỗ Trung Tuấn	4	12-14	312-GĐ2
6	INT 7016	Công nghệ chuỗi khối	3	K29 HTTT K29 ATTT K29 KTPM K29 KHMT	TS. Lê Hồng Hải	2	12-14	301-GĐ2

7	INT 6135 INT 7015	Mạng và truyền dữ liệu nâng cao Mạng máy tính nâng cao	3	K28 ATTT K28 MMT&TTDL K28 KTPM K28 KHMT K28 HTTT K29 ATTT K29 MMT&TTDL	TS. Trần Trúc Mai	2	12-14	310-GĐ2
8	INT 6170 INT 7037	An ninh phần mềm	3	K28 ATTT K28 KTPM K29 ATTT K29 KTPM	PGS. TS. Trương Ninh Thuận	5	12-14	105-G2
9	INT 6211 INT 7018	Điều tra không gian mạng Phản ứng với sự cố và điều tra số	3	K28 ATTT K29 ATTT	TS. Nguyễn Đại Thọ	4	12-14	306-GĐ2
10	INT 6016 INT 6172	Phân tích và kiểm thử phần mềmKiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm	3	K29 ATTT K29 KTPM K28 KTPM	PGS. TS. Trương Anh Hoàng	4	12-14	301-GĐ2
11	INT 6132 INT 7031	Khai phá dữ liệu Web	3	K28 KHMT K28 HTTT K29 HTTT K29 KHMT	TS. Lê Đức Trọng	5	12-14	309-GĐ2
12	INT 6161 INT 7036	Phân tích và nhận dạng mẫu	3	K28 KHMT K29 KHMT	PGS. TS. Hoàng Xuân Huấn	6	12-14	307-GĐ2
13	INT 6162	Tác tử thông minh	3	K28 KHMT	TS. Tạ Việt Cường	3	12-14	301-G2
14	INT 6164 INT 6025	Tương tác người – máy Tương tác người – máy và tích hợp công nghệ	3	K28 KHMT K28 KTPM K28 MMT&TTDL K29 KHMT	TS. Ngô Thị Duyên	2	12-14	304-GĐ2
15	INT 6166	Xử lý song song	3	K28 KHMT	TS. Nguyễn Việt Cường TS. Phạm Tiến Lâm	4	12-14	302-GĐ2
16	INT 6024	Cơ sở hạ tầng điện toán đám mây	3	K29 KHMT K29 MMT&TTDL	TS. Phạm Mạnh Linh	4	12-14	303-GĐ2

17	INT 6190	Các mạng không dây và di động	3	K28 MMT&TTDL K29 MMT&TTDL	TS. Nguyễn Ngọc Tân	6	12-14	310-GĐ2
18	INT 6192 INT 7013	Mạng adhoc và cảm biến không dây IoT và mạng cảm biến không dây	3	K28 MMT&TTDL K29 MMT&TTDL	PGS. TS Nguyễn Hoài Sơn	5	12-14	301-GĐ2
19	INT 7011	Phát triển ứng dụng Internet nâng cao	3	K29 MMT&TTDL	TS. Hoàng Xuân Tùng	3	12-14	303-GĐ2
20	INT 6171 INT 7038	Công nghệ phần mềm nhúng	3	K28 KTPM K29 KTPM	TS. Lê Quang Minh	6	12-14	309-GĐ2
21	INT 6173 INT 6017	Kiến trúc phần mềm Kiến trúc phần mềm hiện đại	3	K28 KTPM K28 MMT&TTDL K29 KTPM	TS. Võ Đình Hiếu	3	12-14	305-GĐ2
22	INT 6175 INT 6018	Kỹ nghệ yêu cầu Kỹ nghệ yêu cầu dựa trên mô hình	3	K28 KTPM K29 KTPM	TS. Đặng Đức Hạnh	5	12-14	303-GĐ2
23	INT 7024	Kỹ nghệ hệ thống trí tuệ nhân tạo	3	K29 KTPM	TS. Nguyễn Văn Sơn	2	12-14	306-GĐ2
24	INT 6146	Trí tuệ nhân tạo nâng cao	3	K28 KHMT K29 KHMT K29 ATTT K28 HTTT K28 KTPM K28 MMT&TTDL	TS. Đặng Trần Bình	3	12-14	308-GĐ2
Nghiên cứu sinh khoa Công nghệ thông tin								
25	INT 8032	Các chủ đề lựa chọn về Công nghệ phần mềm	3	NCS K28 KTPM	TS. Nguyễn Văn Sơn	5	12-14	304-GĐ2
26	INT 8046	Một số chủ đề hiện đại về khai phá dữ liệu	3	NCS K28 HTTT	PGS.TS.Hà Quang Thuỵ	5	12-14	305-GĐ2
27	INT 8038	Các chủ đề lựa chọn về Khoa học máy tính	3	NCS K28 KHMT NCS K29 KHMT	GS. TS. Nguyễn Thanh Thủy	5	12-14	312-GĐ2
28	INT 8040	Chủ đề lựa chọn về khai phá dữ liệu	3	NCS K28 KHMT NCS K29 KHMT	PGS. TS. Nguyễn Thị Nhật Thanh	4	12-14	307-GĐ2
29	INT 8048	Một số chủ đề chuyên sâu về Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	3	NCS K29MMT&TTDL	TS. Trần Trúc Mai	6	12-14	312-GĐ2

30	INT 8050	Các mạng máy tính nâng cao	3	NCS K29MMT&TTDL	TS. Nguyễn Ngọc Tân	5	12-14	310-GĐ2
II. Khoa Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa								
Học phần dành cho học viên sau đại học								
31	MAT 6280 EMA 7015	Các phương pháp giải tích gần đúng	3	K28 CKT K28 CĐT K29 CĐT	PGS.TS. Lã Đức Việt	3	12-14	415-VCH
32	EMA 6125 EMA 7005	Chẩn đoán kỹ thuật	3	K28 CKT K29 CKT	GS.TSKH. Nguyễn Tiến Khiêm	4	12-14	415-VCH
33	EMA 6131 EMA 7011	Kỹ thuật vi điều khiển	3	K28 CKT K29 CKT	PGS.TS. Phạm Mạnh Thắng	5	12-14	503-VCH
34	EMA 6133 EMA 7012	Máy CNC và CAD/CAM nâng cao	3	K28 CKT K29 CKT	TS. Trần Thanh Tùng	2	12-14	Xưởng cơ khí
35	EMA 6122	Kỹ thuật môi trường	3	K29 CKT	PGS.TS. Đặng Thế Ba	6	12-14	309B-G2
36	MAT 6281 EMA 7016	Phương pháp số ứng dụng	3	K28 CĐT K29 CĐT	PGS. TS. Nguyễn Thế Đức	5	12-14	416-VCH
37	EMA 6143 EMA 7018	Công nghệ chế tạo máy nâng cao	3	K28 CĐT K29 CĐT	TS. Trần Anh Quân	4	12-14	416-VCH
38	EMA 6149 EMA 7021	Mạch điện tử nâng cao	3	K28 CĐT K29 CĐT	TS. Đỗ Trần Thắng	6	12-14	503-VCH
39	EMA 7020	Kỹ thuật Vi điều khiển nâng cao	3	K29 CĐT	PGS. TS. Phạm Mạnh Thắng TS. Hoàng Văn Mạnh	3	12-14	416-VCH
40	EMA 7024	Thực hành Cơ điện tử*	3	K29 CĐT	PGS. TS. Phạm Mạnh Thắng	2	12-14	415-VCH
Nghiên cứu sinh khoa Cơ học kỹ thuật và tự động hóa								
41	EMA 8005	Tính toán các kết cấu kỹ thuật	2	NCS K29CKT	PGS. TS. Đào Như Mai	3	12-14	503-VCH
42	EMA 8006	Cơ học chất lỏng tính toán	2	NCS K29CKT	PGS. TS. Đặng Thế Ba	4	12-14	503-VCH
III. Khoa Điện tử - viễn thông								
Học phần dành cho học viên sau đại học								

43	ELT 6075 ELT 7017	Truyền thông và mạng máy tính nâng cao	3	K28 KTVT K29 KTVT K29 KTĐT	PGS. TS. Nguyễn Nam Hoàng TS. Lâm Sinh Công	2	12-14	309-GĐ2
44	ELT 6074	Lý thuyết thông tin và mã hóa	3	K28 KTVT K29 KTVT K29 KTĐT	TS. Hoàng Gia Hưng	7	7-9	306-GĐ2
45	ELT 6086 ELT 7016	Truyền thông số nâng cao	3	K28 KTVT K29 KTVT	PGS. TS. Trịnh Anh Vũ	4	12-14	107-G2
46	ELT 7003	Các vấn đề hiện đại của công nghệ viễn thông*	3	K29 KTVT	TS. Đinh Triều Dương	5	12-14	306-GĐ2
47	ELT 6054 ELT 7008	Kỹ thuật MEMS và NEMS	3	K28 KTĐT K29 KTĐT	PGS. TS. Nguyễn Hoàng Hải PGS. TS. Bùi Thanh Tùng	5	12-14	302-GĐ2
48	ELT 6055	Mạch tích hợp và ứng dụng	3	K28 KTĐT	GS. TS. Chử Đức Trình TS. Đỗ Quang Lộc	4	12-14	313-GĐ2
49	ELT 6065 ELT 7006	Điện tử y sinh và các thiết bị điện tử y sinh	3	K28 KTĐT K29 KTĐT	TS. Chử Đức Hoàng	7	10-12	306-GĐ2
50	ELT 6063 ELT 7002	Các vấn đề hiện đại của công nghệ điện tử*	3	K28 KTĐT K29 KTĐT	PGS. TS. Bùi Thanh TùngTS. Chử Đức Hoàng	6	12-14	313-GĐ2
IV. Khoa Vật lý kỹ thuật và Công nghệ nano								
Học phần dành cho học viên sau đại học								
51	EPN 6001	Tính chất điện tử của vật liệu cấu trúc nano	2	K28 VLLKNN	GS.TS. Hoàng Nam Nhật	6	12-14	204-E4
52	EPN 6044 EPN 7004	Thực hành phương pháp nghiên cứu Nghiên cứu và thực hành công nghệ*	3	K28 VLLKNN K29 VLLKNN	TS. Nguyễn Đình Lãm TS. Nguyễn Tuấn Cảnh	5	12-14	207-E4
53	EPN 6005	Vật lý bán dẫn và vật liệu bán dẫn cấu trúc nano	3	K28 VLLKNN K29 VLLKNN	TS. Nguyễn Đức Cường	2	12-14	207-E4

54	EPN 6063 EPN 7007	Các linh kiện micro - nano và thiết kế hệ thống	3	K28 VLLKNN K29 VLLKNN	TS. Bùi Đình Tú	3	12-14	207-E4
55	EPN 6004	Từ học và vật liệu từ tính cấu trúc nano*	3	K29 VLLKNN	PGS.TS. Đỗ Thị Hương Giang	4	12-14	207-E4
56	EPN 6006	Vật liệu quang tử cấu trúc nano*	3	K29 VLLKNN	PGS.TS. Nguyễn Kiên Cường	6	12-14	207-E4
V. Khoa Công nghệ xây dựng- giao thông								
Nghiên cứu sinh Khoa Công nghệ xây dựng- giao thông								
57	CTE 8005	Cơ học kết cấu nâng cao	3	NCS K29 KTXD	TS. Phan Hải Đăng TS. Trần Quốc Quân	5	12-14	408-E5
58	CTE 8006	Địa kĩ thuật	3	NCS K29 KTXD	TS. Nguyễn Văn Hùng	6	12-14	408-E5

Ghi chú:

- KHMT: Khoa học máy tính, MMT&TTDL: Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu, KTPM: Kỹ thuật phần mềm, HTTT: Hệ thống thông tin, ATTT: An toàn thông tin, KTĐT: Kỹ thuật điện tử, KTVT: Kỹ thuật viễn thông, CKT: Cơ kỹ thuật, CĐT: Cơ điện tử, VLLKNN: Vật liệu và linh kiện nano.
- Các học phần có dấu * là các học phần có các hoạt động nghiên cứu khoa học.
- VCH: 246 Đội Cấn, Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.